

Số: 19 /TTr-XLDKMT-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014, có hiệu lực chính thức từ ngày 01/07/2015;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 09/05/2018;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán, Hội đồng Quản trị công ty đã lựa chọn công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của kỳ hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung báo cáo tài chính đã được kiểm toán của kỳ hoạt động của công ty bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán.
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018
3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018
5. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận :

- Như Kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



Nguyễn Đình Phước

BÁO CÁO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch năm	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH	1000 đ	6.930.000	
1	Xây lắp	1000 đ		
2	Ngoài xây lắp	1000 đ	6.050.000	
	- Sản xuất công nghiệp	1000 đ	0	
	- Kinh doanh nhà và hạ tầng	1000 đ	0	
	- Kinh doanh đầu tư tài chính	1000 đ	0	
	- Sản xuất kinh doanh khác	1000 đ	6.050.000	
3	Thu nhập khác	1000 đ	880.000	
II	DOANH SỐ BÁN HÀNG	1000 đ	6.930.000	
1	Doanh thu	1000 đ	6.300.000	
1,1	Xây lắp	1000 đ		
1,2	Ngoài xây lắp	1000 đ	5.500.000	
	- Sản xuất công nghiệp	1000 đ	0	
	- Kinh doanh nhà và hạ tầng	1000 đ	0	
	- Kinh doanh đầu tư tài chính	1000 đ	0	
	- Sản xuất kinh doanh khác	1000 đ	5.500.000	
1,3	Thu nhập khác	1000 đ	800.000	
2	Thuế GTGT đầu ra	1000 đ	630.000	
III	TỔNG CHI PHÍ	1000 đ	6.300.000	
IV	LỢI NHUẬN	1000 đ	0	
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1000 đ		
1,1	Xây lắp	1000 đ		
1,2	Ngoài xây lắp	1000 đ		
	- Sản xuất công nghiệp	1000 đ		
	- Kinh doanh nhà và hạ tầng	1000 đ		
	- Kinh doanh đầu tư tài chính	1000 đ		
	- Sản xuất kinh doanh khác	1000 đ		
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1000 đ		
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	%		
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%		
V	NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1000 đ	633.000	
1	Số thuế phải nộp	1000 đ	633.000	
	- Thuế GTGT	1000 đ	630.000	
	- Thuế TNDN	1000 đ		
	- Thuế tài nguyên	1000 đ		
	- Phí môi trường	1000 đ		
	- Thuế khác	1000 đ	3.000	
2	Số thuế đã nộp	1000 đ	-	
	- Thuế GTGT	1000 đ		

BÁO CÁO KẾ HOẠCH HẠN MỨC TÍN DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG
NĂM 2019

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Tổng giá trị sản lượng	1000 đ	6.930.000	
-	Xây lắp	1000 đ	-	
-	Kinh doanh khác	1000 đ	6.050.000	
-	Thu nhập khác	1000 đ	880.000	
2	Tổng doanh thu	1000 đ	6.300.000	
-	Xây lắp	1000 đ	-	
-	Kinh doanh khác	1000 đ	5.500.000	
-	Thu nhập khác	1000 đ	800.000	
3	Thuế VAT (10%)	1000 đ	630.000	
-	Xây lắp	1000 đ	-	
-	Kinh doanh khác	1000 đ	550.000	
-	Thu nhập khác	1000 đ	80.000	
4	Khấu hao TSCĐ	1000 đ	529.893	
5	Lợi nhuận định mức	1000 đ	-	
6	Vòng quay vốn lưu động	Vòng	3,400	
-	Xây lắp	Vòng		
-	Kinh doanh khác	Vòng	3,4	
7	Nhu cầu VLD bình quân = (1-3-4-5)/6	1000 đ	1.697.090	
-	Xây lắp	1000 đ		
-	Kinh doanh khác	1000 đ	1.697.090	
8	Nguồn vốn tự có và coi như tự có	1000 đ		
9	Các khoản huy động, chiếm dụng khác		305.735	
-	Người mua ứng trước bq/l vòng quay	1000 đ	203.824	
-	Chiếm dụng của người bán và chiếm dụng khác bq/l vòng quay	1000 đ	101.912	
10	Cân đối nhu cầu VLD bình quân = (7-8-9)	1000 đ	1.391.355	
-	Vay ngắn hạn	1000 đ	1.391.355	



Lê Tuấn Nguyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trịnh Thị Du Phương

LẬP BIỂU